

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 01 năm 2016

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/QĐ-ĐHKT ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Ngành	: KINH DOANH QUỐC TẾ
Mã ngành	: 52 34 01 20
Tên ngành (Tiếng Anh)	: INTERNATIONAL BUSINESS
Tên chuyên ngành	: NGOẠI THƯƠNG
Tên chuyên ngành (Tiếng Anh)	: FOREIGN TRADE
Mã chuyên ngành	: 52 34 01 20 01
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Hình thức đào tạo	: Chương trình đào tạo chất lượng cao

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Ngoại thương trang bị người học những kiến thức và kỹ năng để hiểu và tham gia vào thế giới kinh doanh hiện đại. Cử nhân chuyên ngành Ngoại thương tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên có khả năng kinh doanh trong môi trường quốc tế và chuyên sâu trong vực kinh doanh ngoại thương; có phẩm chất tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp kinh doanh nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh và khả năng cần thiết cho mục tiêu học tập suốt đời.

1.2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên chuyên ngành Ngoại thương khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

1.2.1. Kiến thức

Kiến thức cơ bản

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản
1	CĐR1	Nắm được kiến thức nền tảng về tự nhiên, xã hội
2	CĐR2	Có kiến thức chung về kinh tế, kinh doanh và quản lý
3	CĐR3	Hiểu biết kiến thức về môi trường, thị trường và khách hàng

4	CĐR4	Hiểu biết kiến thức về tổ chức và chức năng của tổ chức
5	CĐR5	Hiểu biết kiến thức về quản lý thông tin, kế toán và hệ thống tài chính

Kiến thức nghề nghiệp

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức nghề nghiệp
1	CĐR6	Hiểu biết cách thức xây dựng chiến lược và quản trị các hoạt động chức năng của một doanh nghiệp kinh doanh quốc tế
2	CĐR7	Hiểu biết chuyên sâu về sự khác biệt về văn hóa và giao tiếp trong môi trường kinh doanh quốc tế
3	CĐR8	Có kiến thức về các lý thuyết thương mại quốc tế; hiểu về động cơ, lợi ích và xu hướng của hoạt động thương mại quốc tế và hành vi của chính phủ trong xu hướng toàn cầu hóa
4	CĐR9	Kiến thức chuyên sâu về kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu trong doanh nghiệp
5	CĐR10	Kiến thức về hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp hỗ trợ cho hoạt động xuất nhập khẩu như giao nhận, hải quan, bảo hiểm và thanh toán quốc tế

1.2.2. Kỹ năng

Kỹ năng cơ bản

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng cơ bản
1	CĐR11	Kỹ năng truyền thông
2	CĐR12	Kỹ năng làm việc nhóm, làm việc với và thông qua người khác
3	CĐR13	Kỹ năng giải quyết vấn đề: phân tích phản biện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo
4	CĐR14	Kỹ năng về ngoại ngữ: Có thể giao tiếp và giải quyết công việc trong môi trường quốc tế với trình độ tiếng Anh IELTS 5.0 (hoặc tương đương) trở lên Kỹ năng về tin học: Sử dụng thông thạo các công cụ công nghệ thông tin, các phần mềm phổ thông và chuyên dụng để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp (đạt chuẩn tin học văn phòng và chuyên ngành)

Kỹ năng nghề nghiệp

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp
1	CĐR15	Có kỹ năng nhận dạng và phân tích các nhân tố về văn hóa, pháp lý, kinh tế và chính trị và đánh giá ảnh hưởng của chúng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và kinh doanh xuất nhập khẩu nói riêng.
2	CĐR16	Có khả năng nhận dạng và đánh giá sự thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế để nhận dạng các cơ hội trong kinh doanh.
3	CĐR17	Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát các hoạt động trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu
4	CĐR18	Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát các doanh nghiệp cung ứng và hỗ trợ dịch vụ cho kinh doanh xuất nhập khẩu như công ty giao nhận, ngân hàng, bảo hiểm, và hải quan.
5	CĐR19	Có khả năng giải quyết vấn đề và đưa ra các giải pháp sáng tạo cho các hoạt động kinh doanh
5	CĐR20	Có khả năng giao tiếp và đàm phán với khách hàng trong môi trường đa văn hóa
6	CĐR21	Có khả năng hợp tác và làm việc nhóm để giải quyết các công việc trong tổ chức.
7	CĐR22	Giao tiếp và giải quyết công việc bằng tiếng Anh

1.2.3. Thái độ và hành vi

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về thái độ và hành vi
1	CĐR23	Có kỷ luật và tôn trọng pháp luật
2	CĐR24	Có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp tốt; có trách nhiệm trong công việc Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội
3	CĐR25	Năng động và tự tin trong công việc; có bản lĩnh và ý chí vươn lên khẳng định bản thân, phát triển nghề nghiệp.

Sự khác nhau về chuẩn đầu ra giữa chương trình đại trà và chương trình chất lượng cao

Chương trình đại trà	Chương trình chất lượng cao
Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát các hoạt động trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu	Có kỹ năng thông thạo trong lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát các hoạt động trong doanh nghiệp XNK
Có khả năng nhận dạng và đánh giá sự thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế để nhận dạng các cơ hội trong kinh doanh	Có thể nhanh chóng cập nhật kiến thức trên thế giới và tự học hỏi để nhanh chóng đưa ra quyết định trong môi trường kinh doanh nhiều biến động ngày nay
Có thể giao tiếp kinh doanh bằng tiếng Anh	Có thể giao tiếp kinh doanh thông thạo bằng tiếng Anh
	Có khả năng phản biện và nhìn nhận thế giới đa chiều

1.3. Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp thích hợp trong tiếp cận các vị trí công việc trong các tổ chức (doanh nghiệp, cơ quan quản lý Nhà Nước, các tổ chức quốc tế) sau:

- Các doanh nghiệp có các hoạt động liên quan đến kinh doanh ngoại thương;
- Các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực vận tải, giao nhận hàng hóa quốc tế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm quốc tế;
- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- Các cơ quan nghiên cứu và quản lý Nhà Nước về lĩnh vực ngoại thương;
- Các tổ chức quốc tế về nghiên cứu và phát triển thương mại quốc tế.

2. Thời gian đào tạo: Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 133 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT, THCN

5. Quy trình đào tạo: Hình thức tín chỉ.

6. Thang điểm: Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ.

7. Nội dung chương trình:

7.1. Học phần chung toàn Trường

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
01	SMT1001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1	2
02	SMT1002	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	3

03	SMT1003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
04	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
05	LAW1001	Pháp luật đại cương	2
06	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	3
07	ENG1011	PRE-IELTS 1	3
08	ENG1012	PRE-IELTS 2	2
09	ENG1013	IELTS BEGINNERS 1	3
10	ENG1014	IELTS BEGINNERS 2	2
11	ENG2011	IELTS PRE-INTERMEDIATE 1	3
12	ENG2012	IELTS PRE-INTERMEDIATE 2	2
13	ENG2013	IELTS INTERMEDIATE 1	3
14	ENG2014	IELTS INTERMEDIATE 2	2
15	MIS1001	Tin học văn phòng	3
16	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	3
17	MGT1001	Kinh tế vi mô	3
18	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	3
19	MGT1002	Quản trị học	3
		Tổng	50
20		Giáo dục thể chất	5
21		Giáo dục Quốc phòng	4 tuần

Ngoài khối lượng kiến thức tiếng Anh như thiết kế, khuyến khích sinh viên đã hoàn thành học phần tiếng Anh ENG2013 và ENG2014 tham gia các học phần tiếng Anh sau, kết quả thi các học phần này được ghi vào bảng điểm nhưng không tính vào điểm trung bình học tập.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
22	ENG3011	IELTS UPPER-INTERMEDIATE 1	2
23	ENG3012	IELTS UPPER-INTERMEDIATE 2	2
24	ENG3013	IELTS UPPER-INTERMEDIATE 3	2
25	ENG3014	IELTS UPPER-INTERMEDIATE 4	2

7.2. Học phần chung khối ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
26	ACC1001	Nguyên lý kế toán	3
27	MKT2001	Marketing căn bản	3
28	MIS2002	Hệ thống thông tin quản lý	3
29	HRM2001	Hành vi tổ chức	3
30	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3
31	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	3
32	MGT2002	Nhập môn kinh doanh	3
33	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3
34	LAW2001	Luật kinh doanh	3
35	ENG3001	Tiếng Anh kinh doanh	3
		Tổng	30

7.3. Học phần chung của ngành

7.3.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
36	FIN3004	Tài chính công ty	3
37	IBS3005	Quản trị kinh doanh quốc tế	3
38	IBS2002	Kinh tế quốc tế	3
39	IBS3007	Quản trị đa văn hóa	3
40	IBS2003	Giao dịch thương mại quốc tế	3
		Tổng	15

7.3.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
41	ACC2002	Kế toán quản trị	3
42	IBS3003	Đầu tư quốc tế	3
43	IBS3006	Quản trị chiến lược toàn cầu	3
44	COM3001	Thương mại điện tử	3
45	COM3003	Quản trị quan hệ khách hàng	3

7.4. Học phần chuyên ngành

7.4.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
46	IBS3002	Logistics và Thương mại quốc tế	3
47	IBS3004	Kinh doanh xuất nhập khẩu	3
48	IBS3009	Thanh toán trong ngoại thương	3
49	IBS3013	Đàm phán kinh doanh	3
50	IBS3014	Vận tải đa phương thức	3
		Tổng	15

7.4.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 7 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
51	HOS3001	Marketing dịch vụ	3
52	MKT3003	Hành vi người tiêu dùng	3
53	MKT3012	Marketing B2B	3
54	IBS3001	Đạo đức kinh doanh	3
55	IBS3008	Quản trị tài chính quốc tế	3
56	IBS3010	Marketing quốc tế	3
57	IBS3011	Quy tắc và các định chế thương mại toàn cầu	3
58	IBS3012	Quản trị tài sản trí tuệ	3
59	IBS3015	Kinh doanh tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương	3
60	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
61	IBS3095	Đề án kinh doanh quốc tế	2

7.5. Hoạt động ngoại khóa

TT	Hoạt động ngoại khóa	Ghi chú
62	<ul style="list-style-type: none">- Mời các báo cáo viên có kinh nghiệm thực tế tham gia báo cáo về lĩnh vực xuất nhập khẩu hoặc các chủ đề liên quan cho các học phần bắt buộc của khối kiến thức ngành và chuyên ngành- Tổ chức tham quan cho sinh viên đến các công ty xuất nhập khẩu hoặc liên quan đến xuất nhập khẩu	

7.6. Thực tập cuối khóa

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
		Hình thức 1	
63	IBS4001	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
64		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn	6
		Hình thức 2	
65	IBS4002	Khóa luận tốt nghiệp (*)	10

* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

8. **Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)
9. **Lộ trình học** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)
10. **Các chương trình đào tạo (đã được kiểm định) được tham khảo** (đính kèm nội dung chi tiết chương trình đào tạo đã tham khảo theo chương trình đào tạo này)

TT	Tên chương trình – Trường (Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh)	Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)
1	Cử nhân Ngoại thương – Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	http://online.ueh.edu.vn/Default.aspx
2	Bachelor of International Business and Mangement – Aston University	http://www.aston.ac.uk/study/undergraduate/courses/school/aston-business-school/international-business-management/

HỘI ĐỒNG
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Đã ký tên và đóng dấu)
PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn